

Bản án số: 31/2025/KDTM

Ngày: 27-8-2025

V/v Tranh chấp về mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Hưng

2. Bà Phạm Thị Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 180/2024/TLST-KTST ngày 09/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-KDTM ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H; Mã số doanh nghiệp: 0300399360, địa chỉ: Số A Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1975; Căn cước công dân số 048075007846; nhân viên Phòng Hành chính nhân sự là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 426/GUQ-KK ngày 08/8/2025 của Công ty) – Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K1; Mã số doanh nghiệp: 0314310154; địa chỉ: Số E, Đường Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là số E, Đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê N, sinh năm 1984; Căn cước công dân số 079084022259; Chuyên viên pháp lý của Công ty, địa chỉ liên hệ: C N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/25/VBUQ-TG ngày 17/7/2025 lập của Công ty) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/7/2024, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05/8/2024, B khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố H trình bày:

Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố H (Sau đây gọi là Công ty K) và Công ty TNHH K1 (Sau đây gọi là Công ty K1) ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận việc mua bán các loại sắt thép cụ thể theo từng bảng báo giá, biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn kèm theo. Các đơn đặt hàng thể hiện qua các bảng báo giá được phát hành các ngày 12/11/2020, 13/11/2020, 20/11/2020, 26/11/2020, 08/12/2020, 10/12/2020 và 11/12/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K1 đã nhiều lần nhận hàng theo các hóa đơn được lập từ tháng 11 đến tháng 12/2020, cụ thể:

- Hóa đơn số 1131 ngày 12/11/2020 với khối lượng 34.514 kg, giá trị thanh toán 454.825.492 đồng, hạn thanh toán ngày 12/12/2020.

- Hóa đơn số 1138 ngày 13/11/2020 với khối lượng 34.580 kg, giá trị thanh toán 455.695.240 đồng, hạn thanh toán ngày 13/12/2020.

- Hóa đơn số 1164 ngày 21/11/2020 với khối lượng 34.580 kg, giá trị thanh toán 463.302.840 đồng, hạn thanh toán ngày 21/12/2020.

- Hóa đơn số 1175 ngày 26/11/2020 với khối lượng 34.580 kg, giá trị thanh toán 476.235.760 đồng, hạn thanh toán ngày 26/12/2020.

- Hóa đơn số 1210 ngày 08/12/2020 với khối lượng 35.544 kg, giá trị thanh toán 507.370.380 đồng, hạn thanh toán ngày 07/01/2021.

- Hóa đơn số 1218 ngày 10/12/2020 với khối lượng 34.580 kg, giá trị thanh toán 492.592.100 đồng, hạn thanh toán ngày 09/01/2021.

- Hóa đơn số 1222 ngày 11/12/2020 với khối lượng 34.580 kg, giá trị thanh toán 492.592.100 đồng, hạn thanh toán ngày 10/01/2021.

Bị đơn đã nhận tổng cộng 242.958 kg thép, với tổng giá trị hàng hóa là 3.342.613.912 đồng. Về việc thanh toán, từ ngày 16/11/2020 đến ngày 23/6/2021,

Công ty K1 đã thanh toán nhiều lần với tổng số tiền là 2.690.059.332 đồng, cụ thể:

- Ngày 16/11/2020 thanh toán: 228.260.366 đồng.
- Ngày 17/11/2020 thanh toán: 227.000.000 đồng.
- Ngày 25/11/2020 thanh toán: 233.302.840 đồng.
- Ngày 27/11/2020 thanh toán: 238.235.760 đồng.
- Ngày 03/12/2020 thanh toán: 223.260.366 đồng.
- Ngày 09/12/2020 thanh toán: 400.000.000 đồng.
- Ngày 11/12/2020 thanh toán: 400.000.000 đồng.
- Ngày 24/12/2020 thanh toán: 200.000.000 đồng.
- Ngày 25/3/2021 thanh toán: 100.000.000 đồng.
- Ngày 14/4/2021 thanh toán: 200.000.000 đồng.
- Ngày 07/5/2021 thanh toán: 140.000.000 đồng.
- Ngày 23/6/2021 thanh toán: 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tính đến ngày 31/3/2023, bị đơn vẫn còn nợ Công ty K số tiền gốc là 652.554.580 đồng và tiền lãi chậm trả là 217.749.658 đồng. Số tiền nợ này đã được phía Công ty K1 xác nhận trong bảng đối chiếu công nợ ngày 31/3/2023.

Theo mục 4 điều III của Hợp đồng số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020, bên B (bên mua) phải trả cho bên A (bên bán) tiền lãi chậm trả với mức lãi suất chậm trả theo từng thời điểm:

- Quá hạn từ 1 đến 30 ngày kể từ ngày tới hạn thanh toán mức lãi suất là 9%/năm.

- Quá hạn từ ngày thứ 31 trở đi kể từ ngày tới hạn thanh toán mức lãi suất là 13,5%/năm.

Theo mục 5 Điều III của Hợp đồng số 522-2020/HMC/KD1-TG, khi có thay đổi lãi suất chậm trả, Bên A sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản trước ít nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày áp dụng mức lãi suất chậm trả bên B phải thanh toán cho bên A.

Căn cứ thông báo số 657/KK-TCKT ngày 28/9/2022 về việc điều chỉnh chi phí sử dụng vốn của Công ty K, trong đó mức lãi suất quá hạn là: 15%/năm.

Căn cứ thông báo số 721/KK-TCKT ngày 28/10/2022 về việc điều chỉnh chi phí sử dụng vốn của Công ty K, trong đó mức lãi suất quá hạn là: 18%/năm.

Căn cứ thông báo số 530/KK-TCKT ngày 17/10/2023 về mức lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn của Công ty K, trong đó quá hạn từ 1 đến 30 ngày kể từ ngày tới hạn thanh toán mức lãi suất là 10%/năm, quá hạn từ ngày thứ 31 trở đi kể từ ngày tới hạn thanh toán mức lãi suất là 15%/năm.

Trong quá trình giải quyết công nợ, Công ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty K1 thực hiện thanh toán đầy đủ khoản nợ còn tồn đọng. Theo biên bản làm việc số 178/BB-KK ngày 31/3/2023, Công ty T thanh toán dứt điểm nợ gốc 652.554.580 đồng trước ngày 30/9/2023 theo hình thức trả dần mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty này cũng cam kết sẽ thanh toán tiền lãi chậm trả ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty K1 vẫn không thực hiện đúng cam kết và tiếp tục vi phạm điều khoản thanh toán đã được hai bên thống nhất trong hợp đồng.

Hành vi chậm thanh toán nợ gốc và không trả lãi đúng hạn thể hiện sự không thiện chí, vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong giao dịch thương mại, đồng thời, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quyền lợi hợp pháp của Công ty K. Căn cứ vào các tài liệu kèm theo và các điều khoản hợp đồng đã ký kết, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH K1 thanh toán tổng số tiền 870.304.238 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là: 652.554.580 đồng; Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/11/2020 đến 21/5/2025 là: 217.749.658 đồng.

- Trường hợp phát sinh lãi tiếp theo do tiếp tục chậm trả, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định tại hợp đồng và pháp luật hiện hành.

* *Tại phiên tòa*, nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 652.554.580 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 16/11/2020 đến 31/3/2023 được điều chỉnh về mức lãi suất cao nhất 13.5%/năm là: 214.587.643 đồng; tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 27/8/2025 là 212.151.751 đồng; tiền lãi tổng cộng là 426.739.394 đồng.

2. Bị đơn là Công ty TNHH K1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại Đơn yêu cầu phản tố đề ngày 25/7/2025 (Nội dung đơn là phản bác yêu cầu khởi kiện),

Công ty K1 cho rằng “*Biên bản hợp giải quyết công nợ*” số 178/BB-KK ghi ngày 31/3/2023 giữa Công ty K với Công ty K1 được ký xác nhận bởi ông Trần Thế A là không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, việc xác nhận công nợ này người đại diện theo pháp luật của Công ty K1 là Trần Minh K không được biết. Vì vậy, bị đơn đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận tính hợp pháp của Biên bản hợp giải quyết công nợ, số 178/BB-KK ghi lập ngày 31/3/2023 và Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ bán hàng đến 31/3/2023 của Công ty K do bên khởi kiện giao nộp vì được ký kết sai về thẩm quyền.

* *Tại phiên tòa*, đại diện ủy quyền của bị đơn xác nhận có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020, tổng giá trị hợp đồng là 3.342.613.912 đồng, bị đơn đã thanh toán nhiều lần với tổng số tiền là 2.690.059.332 đồng, còn nợ lại 652.554.580 đồng. Tuy nhiên, việc ông Trần Thế A phó giám đốc Công ty ký biên bản xác nhận công nợ ngày 31/3/2023 là không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật vì không được ủy quyền, bị đơn không đồng ý với mức tính lãi vượt quá 13.5% theo hợp đồng đã ký kết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh *phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, xác định nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán thép số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020. Nguyên đơn đã giao hàng, xuất 07 hóa đơn GTGT với tổng trị giá 3.342.613.912 đồng, bị đơn đã thanh toán 2.690.059.332 đồng thông qua Ngân hàng, còn nợ 652.554.580 đồng. Căn cứ thỏa thuận hợp đồng và Điều 50 Luật Thương mại bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi chậm trả theo mức lãi suất 13.5%/năm là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn thanh toán tổng cộng 1.079.293.974 đồng (gồm nợ gốc 652.554.580 đồng và lãi 426.739.394 đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố H – VNSTEEL khởi kiện Công ty TNHH K1 “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; khoản 2 Điều V của Hợp đồng số 522-2020/HMC/KD1-TG ký ngày 11/11/2020, hai bên đã thỏa thuận *“Trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì vụ việc sẽ do Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết”*, tại thời điểm ký hợp đồng, nguyên đơn có trụ sở tại địa chỉ số A Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Cũ). Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngày 31/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được Đơn yêu cầu phản tố đề ngày 25/7/2025 của Công ty TNHH K2 Theo đó, bị đơn *“Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – TP. Hồ Chí Minh không chấp nhận tính hợp pháp của các tài liệu là: Biên bản họp giải quyết công nợ, số 178/BB-KK ghi lập ngày 31/3/2023 và Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ bán hàng đến 31/3/2023 của Công ty Cổ phần kim khí Thành phố H – VNSTEEL do bên khởi kiện giao nộp vì được ký kết sai về thẩm quyền”*. Xét thấy, yêu cầu trình bày tại Đơn phản tố của bị đơn là ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải yêu cầu phản tố và không thuộc trường hợp được chấp nhận theo khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án trả lại đơn yêu cầu phản tố theo Thông báo trả lại Đơn yêu cầu phản tố số 01/2025/TB-TA ngày 13/8/2025.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của ty Cổ phần Kim khí Thành phố H – VNSTEEL buộc Công ty TNHH K1 thanh toán tổng số nợ gốc là: 652.554.580 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bao gồm: Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020; bảng báo giá các ngày 12/11/2020, 13/11/2020, 20/11/2020, 26/11/2020, 08/12/2020, 10/12/2020 và ngày 11/12/2020; các hóa đơn giá trị gia tăng ..., B1 tổng hợp đối chiếu công nợ bán hàng đến 31/3/2023 và Biên bản họp giải quyết công nợ số 178/BB-KK ngày

31/3/2023; xác định nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020 về việc cung cấp thép xây dựng chữ V do Công ty T1, Công ty Cổ phần T2, Công ty CP T3, Công ty CP T4 sản xuất; T5 và các loại thép xây dựng do các nhà máy trong nước sản xuất và các vật tư khác dùng trong xây dựng...

[5] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình gồm:

[5.1] Bộ C đi kèm hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Bảng báo giá, tờ trình vượt hạn mức dư nợ, bảo lãnh chậm thanh toán của Công ty K, biên bản giao nhận hàng hóa của hai bên kèm theo 07 hóa đơn giá trị gia tăng số: Hóa đơn số 1131 ngày 12/11/2020, Hóa đơn số 1138 ngày 13/11/2020, Hóa đơn số 1164 ngày 21/11/2020, Hóa đơn số 1175 ngày 26/11/2020, Hóa đơn số 1210 ngày 08/12/2020, Hóa đơn số 1218 ngày 10/12/2020, Hóa đơn số 1222 ngày 11/12/2020. Tổng trị giá hàng hóa mua bán của 07 hóa đơn trên là 3.342.613.912 đồng.

[5.2] Theo giấy báo có thanh toán chuyển khoản từ Ngân hàng TMCP C1 (V) các ngày: Ngày 16/11/2020 thanh toán: 228.260.366 đồng; ngày 17/11/2020 thanh toán: 227.000.000 đồng; ngày 25/11/2020 thanh toán: 233.302.840 đồng; ngày 27/11/2020 thanh toán: 238.235.760 đồng; ngày 03/12/2020 thanh toán: 223.260.366 đồng; ngày 09/12/2020 thanh toán: 400.000.000 đồng. ngày 11/12/2020 thanh toán: 400.000.000 đồng. ngày 24/12/2020 thanh toán: 200.000.000 đồng; ngày 25/3/2021 thanh toán: 100.000.000 đồng; ngày 14/4/2021 thanh toán: 200.000.000 đồng; ngày 07/5/2021 thanh toán: 140.000.000 đồng; ngày 23/6/2021 thanh toán: 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 2.690.059.332 đồng.

[6] Theo Biên bản đối chiếu công nợ bán hàng đến 31/3/2023; Biên bản hợp giải quyết công nợ số 178/BB-KK ngày 31/3/2023; Thư xác nhận số dư ngày 07/7/2023... giữa nguyên đơn và bị đơn. Mặc dù, tại bản ý kiến đề ngày 25/7/2025, bị đơn cho rằng người ký xác nhận nợ là ông Trần Thế A – Phó tổng giám đốc Công ty ký không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, số tiền ký xác nhận nợ là 625.554.580 đồng, phù hợp với các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là hóa đơn giá trị gia tăng và Giấy báo chuyển khoản ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận Công ty K1 còn nợ Công ty K số nợ mua bán hàng hóa là 652.554.580 đồng.

[7] Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương Mại quy định về thanh toán hàng hóa: “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”

[8] Tại Điều III Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020, hai bên thỏa thuận về phương thức, điều kiện và thời hạn thanh toán như sau:

“Thời hạn thanh toán: 3.1 Thời gian Bên B thanh toán tiền hàng cho Bên A thể hiện trên từng đơn đi hàng của Bên B, thông báo giá của Bên A hoặc phụ lục của hợp đồng vv có ký xác nhận của hai bên

3.2. Trường hợp bên B mua hàng trả chậm: Thời gian trả chậm theo từng đơn hàng cụ thể nhưng tối đa không quá 30 ngày. Nếu ngày đến hạn là các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày Lễ theo quy định của nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp”.

[9] Nhận thấy, bên bán đã giao hàng, bên mua đã nhận hàng, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ theo quy định, nhưng cho đến nay bị đơn vẫn không thanh toán tiền mua thép là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng và theo quy định của pháp luật, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán thép còn thiếu là 652.554.580 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi như sau: Tiền lãi từ ngày 16/11/2020 đến ngày 31/3/2023 theo mức lãi suất cao nhất 13.5% là. 214.587.643 đồng (Tiền lãi thấp hơn số tiền đã xác nhận theo xác nhận nợ của biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2023) và tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2025 là theo mức lãi suất 13,5%/năm là 212.151.751 đồng. Tổng cộng là 426.739.394 đồng.

Căn cứ Điều 4.1 Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020

“4.1 Thanh toán tiền lãi chậm trả:- Khoản tiền nợ quá hạn thanh toán (nếu có), Bên B phải trả cho Bên A tiền lãi chậm trả, theo công thức sau Tiền lãi chậm trả = số tiền nợ quá hạn (x) số ngày trễ hạn (3) mức lãi suất chậm trả năm 365 ngày. Mức lãi suất chậm trả được áp dụng theo mức lãi suất quá hạn mà bên A đang áp dụng cho khách hàng theo từng thời điểm cụ thể như sau:

+ *Quá hạn từ 01 đến 30 ngày kể từ ngày tới hạn thanh toán mức lãi suất là 9%/năm.*

+ *Quá hạn từ ngày thủ 31 trở đi kể từ ngày tới hạn thanh toán mức lãi suất là 13.5%/năm. Bán hàng tiếp tục khi phát sinh nợ quá hạn”*

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*”

Đồng thời căn cứ mức lãi suất do 03 Ngân hàng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp mức lãi suất cho Tòa án trong tháng 7 và tháng 8/2025 thì lãi suất nợ quá hạn cho khoản vay trung, dài hạn trung bình tại thời điểm xét xử là 13.8%/năm, tương đương 1.15%/tháng (Lãi trong hạn: A1: 7.6%/năm, V1: 7.5%/năm, V: 12.5%/năm).

Tại phiên tòa, nguyên đơn điều chỉnh mức lãi suất yêu cầu là 13.5%/năm là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4.1 Hợp đồng và thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại, có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp yêu cầu.

[11] Tổng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 652.554.580 đồng nợ gốc + 426.739.394 đồng nợ lãi = 1.079.293.974 đồng.

[12] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.079.293.974 đồng. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.378.819 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH K1 thanh toán cho Cổ phần Kim khí Thành phố H – VNSTEEL số tiền nợ mua bán hàng hóa còn thiếu là 652.554.580 đồng và tiền lãi

chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2025 là 426.739.394 đồng, tổng cộng là 1.079.293.974 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 522-2020/HMC/KD1-TG ngày 11/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố H và Công ty TNHH K1, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH K3 chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.378.819 đồng.

Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố H – Vnsteel số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 19.054.564 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043936 ngày 07/10/2024 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH K1; Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố H có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 1-TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 1-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa